



CÔNG TY CỔ PHẦN VÔI CÔNG NGHIỆP DLH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung.....	3
1.	Thông tin khái quát.....	3
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
4.	Định hướng phát triển	7
5.	Các rủi ro	9
II.	Tình hình hoạt động trong năm	12
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	12
2.	Cơ cấu Tổ chức và nhân sự	13
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	17
4.	Tình hình tài chính	18
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2024).....	20
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	22
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về tình hình mọi mặt của Công ty	26
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	26
2.	Tình hình tài chính	26
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	27
4.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.....	28
5.	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	28
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	28
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	29
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	29
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	29
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	30
V.	Quản trị Công ty.....	30
1.	Hội đồng quản trị.....	30
2.	Ban Kiểm soát	35
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	36
VI.	Báo cáo tài chính.....	39

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VÔI CÔNG NGHIỆP DLH**
Tên tiếng Anh: **DLH INDUSTRIAL LIME JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **DLH**

Logo Công ty: 

Vốn điều lệ đăng ký: 143.750.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp: 143.750.000.000 đồng
Trụ sở chính: Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Phú Thù, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương
Số điện thoại: 0320 352 8383 Fax: 0320 352 8585
Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 0800462363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười tám ngày 19 tháng 09 năm 2023
Người đại diện pháp luật: Ông Lê Quý Sơn – Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
Ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng: Ngày 23/07/2024, Công ty đáp ứng đủ điều kiện Công ty đại chúng (về vốn điều lệ, số lượng và cơ cấu cổ đông)
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất vôi, dolomit nung, các sản phẩm từ vôi, dolomit nung
Mã cổ phiếu: DKG

❖ Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH (có tiền thân là Công ty Cổ phần Môi trường Hoàng Anh được thành lập lần đầu vào ngày 23/10/2008 với mức vốn điều lệ ban đầu là 2,5 tỷ đồng) là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vôi, dolomite và các sản phẩm từ vôi. Trải qua nhiều lần tăng vốn, mức vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH hiện tại là 143,75 tỷ đồng.

Công ty hiện đang sở hữu 05 lò nung vôi công nghiệp dạng đứng: Lò Sk1 và Lò sk2 được Công ty đưa vào sản xuất từ tháng 2/2017; tiếp đó Lò Sk3 và Lò Sk4 bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2021 và Lò Sk 5 hoạt động từ tháng 4/2019, theo đó tổng công suất thiết kế của 5 lò nung

vôi công nghiệp của Công ty đạt 320.000 tấn/năm. Công ty còn sở hữu hệ thống dây chuyền nghiền vôi bột và vôi hydrat để sản xuất các sản phẩm chuyên sâu đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, để tạo một hệ sinh thái đồng bộ và đa dạng cho các loại hình vận chuyển, nhằm tối ưu thời gian và chi phí vận chuyển hàng hóa và nguyên liệu, Công ty đã đầu tư và đang vận hành dự án bến thủy nội địa gắn liền với nhà máy với diện tích hơn 15.000 m² và diện tích này còn tiếp tục được mở rộng trong thời gian tới. Việc sở hữu bến thủy nội địa riêng với trọng tải tàu từ 1000-2000 DWT đã tạo điều kiện thuận lợi không chỉ cho nhà máy mà còn giúp khách hàng có nhiều sự lựa chọn và tối ưu hóa chi phí, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Trải qua 16 năm hình thành và phát triển, DLH hướng đến mục tiêu trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu vôi công nghiệp thân thiện với môi trường với các sản phẩm từ vôi và dolomite nung sản xuất tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu

STT	Ngành nghề	Mã số
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394 (Chính)
2	Khai thác và thu gom than cứng	0510
3	Khai thác và thu gom than non	0520
4	Khai thác quặng sắt	0710
5	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng không nung	2395
9	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất các sản phẩm cơ khí	2599
12	Thu gom rác thải không độc hại	3811
13	Thu gom rác thải độc hại	3812

STT	Ngành nghề	Mã số
	Chi tiết: Thu gom rác, pin thải, chất thải y tế, linh kiện điện tử thải, dầu thải, bùn thải, nước thải	
14	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
15	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu, khí hóa lỏng (LPG), than, củi và các chế phẩm của xăng dầu	4610
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
17	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, quặng sắt	4662
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng, vôi và các sản phẩm khác từ vôi (vôi sữa, bột nhẹ) thạch cao, đolômit, đồ ngũ kim, gạch, cát, đá, sỏi, tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, sơn, vécni	4663
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
23	Bốc xếp hàng hóa	5224
24	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng	6810

b. Địa bàn kinh doanh

Công ty hiện tại đang kinh doanh trên nhiều địa bàn cả trong nước và nước ngoài.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ

Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty;

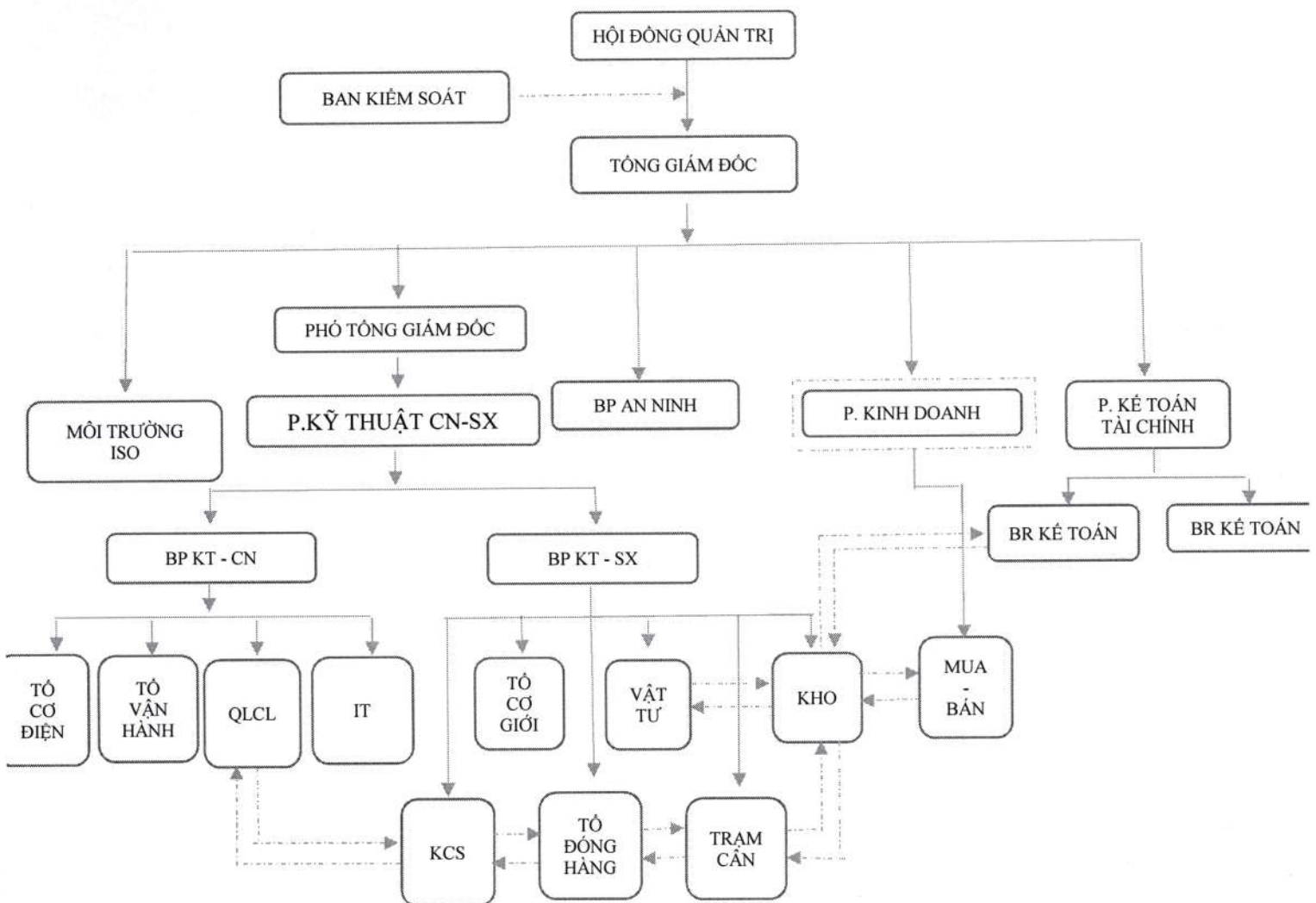
Hội đồng quản trị: Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, có nhiệm vụ: quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty;

Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 1 Tổng giám đốc, 1 Phó Tổng giám đốc, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc Công ty là người đứng đầu Ban Tổng giám đốc, quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn chung ghi trong Điều lệ Công ty và theo thẩm quyền được giao.

Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, có nhiệm vụ: thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn; thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



c. Các công ty con, công ty liên kết

Không có

4. Định hướng phát triển

a. Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi:

Lấy sản xuất công nghệ hiện đại làm trung tâm của sự phát triển, sinh ra giá trị gia tăng lâu dài, bền vững.

Lấy uy tín với đối tác làm kim chỉ nam cho mọi hành động, xây dựng hình ảnh tập đoàn tiêu chuẩn toàn cầu

Tầm nhìn:

Mục tiêu của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH là trở thành tập đoàn đứng đầu Việt Nam trong đầu tư, sản xuất vôi và các sản phẩm từ đá vôi, dolomit.

Sứ mệnh:

Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH còn mang trong mình sứ mệnh là mang lại sự thịnh vượng, hạnh phúc cho người lao động và các đối tác thông qua sản xuất kinh doanh và hợp tác quốc tế.

b. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Công ty xác định chiến lược kinh doanh phải phù hợp với chiến lược phát triển của ngành sản xuất vôi công nghiệp, Công ty các xây dựng các mục tiêu chiến lược sau đây:

❖ **Mục tiêu chiến lược:**

- Cải thiện nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ vận chuyển đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng và đối tác.
- Nắm bắt nhanh chóng nhu cầu của thị trường để đầu tư và mở rộng sản xuất, nâng cao công suất của nhà máy

❖ **Định hướng thực hiện và biện pháp về tổ chức quản lý**

- Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt, hiệu quả và đảm bảo an toàn;
- Bổ sung nhân sự đáp ứng mục tiêu tăng trưởng của từng giai đoạn;
- Thực hiện phân cấp mạnh mẽ cho các đơn vị theo từng lĩnh vực hoạt động trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp trong hoạt động sản xuất và kinh doanh;
- Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nhân tài về Công ty;
- Xây dựng và khai thác hiệu quả mạng thông tin điện tử trong quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.

❖ **Định hướng về tìm kiếm khách hàng, sản phẩm và thị trường doanh nghiệp**

- Không ngừng tìm hiểu nhu cầu khách hàng và cải tiến sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng;
- Chú trọng mối quan hệ với khách hàng lâu năm có uy tín;
- Xây dựng mối quan hệ hợp tác với các khách hàng chiến lược truyền thống và mở rộng quan hệ với các đối tác mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên cơ sở đáp ứng một cách năng động nhu cầu của khách hàng;
- Công ty không ngừng tìm hiểu và phát triển mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Xây dựng sản phẩm đặc thù của Công ty nhằm tạo một thương hiệu riêng việt của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước;
- Khẳng định năng lực bằng cách nâng cao chất lượng sản phẩm, giá cả cạnh tranh, đảm bảo tiến độ sản xuất và giao hàng nhằm đảm bảo uy tín với khách hàng.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

❖ Mục tiêu đối với môi trường

- Bên cạnh việc sử dụng vôi và dolomite cho các ngành công nghiệp sản xuất, khai thác và trồng trọt, việc định hướng sử dụng vôi cho các ngành công nghiệp bảo vệ môi trường như sử dụng vôi ngâm nước cho việc xử lý nước thải, hoặc điều chỉnh nồng độ pH trong nước... cũng được đặt ưu tiên hàng đầu.

❖ Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

- Với sự cải tiến và lao động không ngừng nghỉ, các sản phẩm vôi như vôi nung, vôi hydrat hóa,... & dolomite của chúng tôi đem lại nhiều giá trị cho ngành công nghiệp như: luyện kim, công nghiệp khai khoáng, sản xuất giấy, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tuyển quặng... trong quá trình sản xuất, khai thác và trồng trọt.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Với lĩnh vực kinh doanh chính hiện nay là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng và những diễn biến của nền kinh tế nói chung.

Trong năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục xu hướng phục hồi mạnh mẽ trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, những bất ổn chính trị trên toàn thế giới và các cuộc khủng hoảng liên quan đến ngành bất động sản, ngân hàng.... Quy mô GDP năm 2024 ước đạt 476,3 tỷ USD, tăng trưởng 7,09% so với năm 2023, tương đương GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD/người, vượt mục tiêu tăng trưởng 6,5% nhờ động lực chính từ dịch vụ và sản xuất công nghiệp.¹

Dự báo cùng với đà phục hồi tăng trưởng toàn cầu và tiếp nối đà tăng trưởng cao của năm 2024, Việt Nam sẽ đạt mục tiêu tăng trưởng bứt phá trong năm 2025. Tuy nhiên, rủi ro và thách thức vẫn còn hiện hữu, Việt Nam tiếp tục phải đối diện với áp lực từ lạm phát, những khủng hoảng địa chính trị gia tăng, khó đoán định; cạnh tranh chiến lược về thương mại và công nghệ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung. Vì vậy, Công ty luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho ban điều hành xu hướng trong tương lai và những tác động kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.

¹ Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/#:~:text=G%C3%A1%20tr%E1%BB%8B%20t%C4%83ng%20th%C3%A4m%20ng%C3%A0nh%20c%C3%B4ng%20nghi%E1%BB%87p%20n%C4%83m%202024%20t%C4%83ng,th%C3%A4m%20to%C3%A0n%20n%E1%BB%81n%20kinh%20t%E1%BA%BF>.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

b. Rủi ro lạm phát

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023², như vậy lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Tuy nhiên, áp lực lạm phát trong năm 2025 vẫn còn hiện hữu ở nhiều góc độ. Hiện nay xung đột quân sự ở một số quốc gia leo thang căng thẳng, diễn biến khó lường, có nguy cơ lan rộng. Cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Cùng với đó, hiện tượng thời tiết cực đoan tác động nghiêm trọng tới kinh tế - xã hội toàn cầu. Điều này có thể tạo nên sự đứt gãy chuỗi cung ứng, làm gia tăng chi phí vận tải, tác động đến biến động giá hàng hóa. Đặc biệt, các chính sách thuế trong nhiệm kỳ của Tổng thống Donald Trump có khả năng rất khác nghiệt, dẫn đến các phản ứng trả đũa từ các quốc gia. Bảo hộ thương mại và rào cản thương mại gia tăng sẽ làm trầm trọng thêm căng thẳng thương mại và phá vỡ chuỗi cung ứng toàn cầu, điều này có thể gây ra một đợt lạm phát mới. Ở trong nước, chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất có thể tăng lên theo giá thế giới và chịu tác động từ biến động tỷ giá, ảnh hưởng đến chi phí, giá thành sản phẩm, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên và tạo áp lực lên lạm phát. Bên cạnh đó các gói kích cầu, hạ mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng, đẩy mạnh đầu tư công giúp tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nhưng cũng có thể tạo sức ép lên mặt bằng giá nếu nguồn cung tiền không được kiểm soát hợp lý.

² Nguồn: <https://vneconomy.vn/lam-phat-nam-2024-duoc-kiem-soat-hieu-qua.htm#:~:text=Theo%20B%C3%A1o%20t%C3%ACnh%20h%C3%ACnh,v%E1%BB%9Bi%20C%C3%B9ng%20k%E1%BB%B3%20n%C4%83m%202023>.



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

c. Rủi ro lãi suất

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Dấu ấn điều hành lãi suất của NHNN là điểm sáng được các tổ chức quốc tế đánh giá cao về năng lực điều hành Chính sách tiền tệ của Việt Nam. Trong năm 2024, NHNN tiếp tục duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp. Mặt bằng lãi suất cho vay đối với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại đã giảm 0,44% so với năm 2023. Tuy nhiên khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế. Bởi vì NHTM cho vay sẽ dựa trên việc chấm điểm tín dụng, theo đó nếu doanh nghiệp có rủi ro cao, lãi suất cho vay sẽ không giảm. Nhìn vào bức tranh kinh tế và doanh nghiệp hiện nay, tình hình sức khỏe của các doanh nghiệp vẫn chưa ổn định, vẫn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, việc lãi suất giảm sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng lượng vốn vay, tức là khả năng tiếp cận vốn tín dụng dễ dàng và chi phí thấp hơn, nhưng điều này phụ thuộc ít nhiều vào việc doanh nghiệp có làm ăn hiệu quả, có đầu ra cho sản xuất và có nhu cầu mở rộng quy mô đầu tư sản xuất hay không, từ đó mới có nhu cầu vốn về tín dụng hay không. Bởi khi doanh nghiệp có nhu cầu về vốn tín dụng sẽ đòi hỏi dòng tiền trong nền kinh tế phải quay vòng liên tục. Khi đó, vốn tín dụng NH bơm ra thị trường mới đem lại hiệu quả và có ý nghĩa. Những điều này cũng là rủi ro ảnh hưởng đến Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH khi tiếp cận nguồn vốn vay.

d. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Trong năm 2024, tỷ lệ lạm phát tăng cao khiến đồng USD tăng giá mạnh, gây áp lực cực lớn đến các đồng tiền khác, trong đó có VND. Đà leo thang của tỷ giá khiến các ngân hàng thương mại điều chỉnh giá USD. Theo đó, các ngân hàng thương mại nâng giá USD lên sát mức trần, đồng thời

cũng vượt đỉnh thiết lập hồi giữa năm 2024. Tính đến cuối năm 20224, giá USD tăng khoảng 4,4% so với đầu năm. Như vậy, với tỷ giá USD ở quanh mức 25.000 VND (bán ra), ước tính chi phí của doanh nghiệp có thể bị kéo tăng 5-10%. Mặc dù việc ứng phó với biến động tỷ giá trong năm 2024 đã được các doanh nghiệp tính toán trước. Khi đồng USD tăng giá, không chỉ các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa hoặc vay nợ bằng USD bị ảnh hưởng tiêu cực khi phải chịu chi phí tăng thêm, mà ngay cả doanh nghiệp xuất khẩu cũng không được hưởng lợi nhiều. Bởi vì phần lớn máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu sản xuất hàng hóa xuất khẩu đều phải nhập khẩu, nên khi tỷ giá tăng, chi phí nhập khẩu sẽ đẩy giá nguyên vật liệu tăng. Trước những biến động về tỷ giá, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, trong đó có Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH.

e. Rủi ro về luật pháp

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Đối với Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH, hoạt động của doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật thương mại, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty Cổ phần vôi công nghiệp DLH còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

f. Rủi ro môi trường, rủi ro khác

Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công trình thủy, công trình chế biến, chế tạo, các rủi ro môi trường hay các rủi ro như thiên tai, dịch họa (lũ lụt, hạn hán) hay do tai nạn (cháy, nổ,...) là những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	
			Giá trị	Thay đổi (%)
Tổng tài sản	Triệu đồng	297.413	291.920	(1,85)
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	153.141	168.606	10,10
Doanh thu thuần	Triệu đồng	303.387	337.477	11,24
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.696	15.464	318,44

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	
			Giá trị	Thay đổi (%)
EPS	Đồng/CP	257	1.076	318,68

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH)

Năm 2024 là một năm nhiều khó khăn và biến động chung đối với nền kinh tế, ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên kết quả đạt được như kỳ vọng đã thể hiện phần nào sự tập trung cao độ và linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo trong bối cảnh tình hình kinh doanh gặp vô vàn khó khăn. Kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty như sau:

- Tổng tài sản của Công ty năm 2024 đạt 291.920 triệu đồng, giảm 1,85% so với năm 2023.
- Doanh thu của Công ty năm 2024 đạt 337.477 triệu đồng, giảm 11,24% so với năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2024 đạt 15,464 triệu đồng, tăng 318,44% so với năm 2023.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đề ra

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH 2024/KH 2024
Doanh thu thuần	310.000.000.000	337.476.828.764	108,86%
Lợi nhuận trước thuế	5.000.000.000	18.804.482.750	376,09%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH)

2. Cơ cấu Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành tính đến ngày 31/12/2024

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lê Quý Sơn	Tổng Giám đốc	25/10/2021
2	Ông Bùi Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	22/04/2022
3	Bà Hoa Kim Dung	Kế toán trưởng	02/05/2023

❖ Ông Lê Quý Sơn – Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 20/03/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giới tính: Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư máy xép dỡ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2007 – 05/2008	Công ty Cổ phần thiết bị nâng Nam Triệu	Cán bộ kỹ thuật
06/2008 – 11/2008	Công ty Cổ phần thiết bị nâng Nam Triệu	Phó Quản đốc
04/2009 – 01/2011	Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	Nhân viên kỹ thuật
02/2011 – 03/2014	Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	Chuyên viên – Phó kho công cụ
01/2015 – 10/2021	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Phó Giám đốc
11/2021 – 06/2022	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Giám đốc
07/2022 – nay	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Tổng giám đốc
12/2016 – nay	Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh	Thành viên HĐQT
12/2020 - nay	Công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa	Giám đốc
02/2021 – nay	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Trường Phúc	Thành viên HĐQT kiêm giám đốc
12/2021 – nay	Công ty Cổ phần tập đoàn DLH Holdings	Thành viên HĐQT
04/2023 – nay	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Phúc Trường Thịnh	Chủ tịch HĐQT
10/2022 – nay	Công ty Cổ phần đầu tư Phúc Trường Lộc	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

❖ **Ông Bùi Văn Tuấn – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 06/03/1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giới tính: Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2010 – 03/2014	Công ty Cổ phần TBN Nam Triệu	Chuyên viên
06/2014 – 12/2015	Công ty Cổ phần DLH Việt Nam	Nhân viên kỹ thuật
01/2016 – 12/2016	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Nhân viên

01/2017 – 12/2018	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Nhân viên công nghệ
01/2019 – 04/2022	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Trưởng phòng
04/2022 – 06/2022	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Phó Giám đốc Kỹ thuật sản xuất
07/2022 - nay	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.000 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ

❖ **Bà Hoa Kim Dung – Kế toán trưởng**

- Ngày sinh: 12/05/1992
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	
12/2014 – 05/2017	Công ty Cổ phần DLH Việt Nam	Nhân viên kế toán
06/2017 – 11/2020	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Nhân viên Kế toán
12/2020 – 11/2021	Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	Nhân viên kế toán
12/2021 – 01/2023	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Kế toán trưởng
02/2023 – 04/2023	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Nhân viên kế toán
05/2023 – nay	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,014% vốn điều lệ

b. Những thay đổi trong ban điều hành (nếu có)

Trong năm 2024, Công ty không có sự thay đổi trong ban điều hành.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

TT	Nội dung	31/12/2024	Tỷ trọng
1	Phân loại theo trình độ lao động	142	100%
1.1	Đại học và trên đại học	15	11%
1.2	Cao đẳng, trung cấp	14	10%

1.3	Trình độ công nhân kỹ thuật	24	17%
1.3	Đối tượng khác (lao động phổ thông)	89	63%
2	Phân loại theo giới tính	142	100%
2.1	Nam	72	51%
2.2	Nữ	70	49%
3	Mức lương bình quân đầu người (đồng/người/tháng)	15,727,254	

- Tính đến 31/12/2024, Công ty có 142 người lao động. Với chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài, Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH đã tập hợp được một tập thể lao động có chất lượng cao, kỷ luật, đoàn kết.

d. Chính sách nhân sự

- Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp đối với khối sản xuất. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Nhân viên làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 6 ngày/tuần. Khối văn phòng làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày và 6 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Nhân viên được phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

e. Chính sách đào tạo

- Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ nguồn nhân lực, Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH đã xây dựng Quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao.

- Với tinh thần nhiệt huyết ham học hỏi của tuổi trẻ, Công ty thường xuyên tạo điều kiện, tiến cử nhân viên tham gia các khóa học nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, chứng chỉ phục vụ trong công tác quản lý và triển khai các đầu mục công việc tại Công ty.

f. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

- Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công việc.

Mức lương bình quân của người lao động Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Số lao động bình quân năm (người)	152	148
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	12,5	15,7

g. Chế độ phúc lợi

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn

STT	DỰ ÁN	THÔNG TIN DỰ ÁN	TIỀN ĐỘ TÍNH ĐẾN 31/12/2024
1	Dự án nhà máy Vôi công nghiệp DLH	<p>Địa điểm xây dựng: Các lô CN4, CN6, CN20, Cụm Công nghiệp Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương;</p> <p>Mục đích xây dựng: Nhà máy sản xuất Vôi công nghiệp;</p> <p>Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH;</p> <p>Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;</p> <p>Quy mô của dự án: Dự án sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite với quy mô 320.000 tấn/năm; và kinh doanh chế biến vôi, dolomite nung, và các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung với quy mô 120.000 tấn/năm thông qua hợp đồng hợp tác, kinh tế, gia công chế biến với đơn vị sản xuất khác;</p> <p>Tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu: 408.000.000.000 đồng;</p>	<p>Trên phần diện tích đất của Lô CN20, dự án đã hoàn thành các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị của các dây chuyền sản xuất vôi, hoạt động từ tháng 02/2017 đến tháng 10/2021. Trên phần diện tích đất của Lô CN4 và CN6, Công ty đã thực hiện xong giải phóng mặt bằng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p>
2	Dự án bến thủy nội địa DLH	<p>Địa điểm xây dựng: Bãi ngoài đê sông Hàn Mấu (K0+900 đến K1+166,5), phường Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương</p> <p>Mục đích xây dựng: Phục vụ bốc xếp hàng hóa cho sản xuất kinh doanh;</p> <p>Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH;</p> <p>Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;</p>	<p>Dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 đưa vào hoạt động từ tháng 12/2021 với chi phí xây dựng là 5.977.977.020 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo, dự án vẫn đang tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng giai đoạn 2</p>



STT	DỰ ÁN	THÔNG TIN DỰ ÁN	TIỀN ĐỘ TÍNH ĐẾN 31/12/2024
		Tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu: 19.920.000.000 đồng;	

b. Các công ty con, công ty liên kết

Không có

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	2023	2024	(+/-)%
1	Tổng giá trị tài sản	297.413.296.898	291.919.765.101	(1,85)
2	Doanh thu thuần	303.387.091.544	337.476.828.764	11,24
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.822.624.537	18.877.272.581	291,43
4	Lợi nhuận khác	2.829.939	(72.789.831)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	4.825.454.476	18.804.482.750	289,69
6	Lợi nhuận sau thuế	3.695.730.035	15.464.255.567	318,44
7	EPS	257	1.076	318,68

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH)

- Về quy mô tổng tài sản của Công ty, năm 2024 giá trị tổng tài sản của Công ty đạt mức 291,9 tỷ đồng, giảm 1,85% so với năm 2023. Mức giảm chủ yếu tập trung tại các khoản tài sản cố định khi trong năm ghi nhận giảm hơn 134 tỷ do khấu hao.

- Doanh thu thuần của Công ty đạt 337,48 tỷ đồng, tăng 9,79% so với năm 2023. Bên cạnh việc tăng trưởng của doanh thu, lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng đạt mức tăng trưởng ấn tượng. Lợi nhuận sau thuế tăng 318,44% so với năm ngoái và đạt mức 15,46 tỷ đồng.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2024
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,82	0,83
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,54	0,59
Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,49	0,42
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,94	0,73
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	vòng	9,25	10,06
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,98	1,15
Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	1,22	4,48
Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	2,44	9,61
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,19	5,25
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	1,59	5,59
Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)	đồng/cổ phiếu	257	1.076

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH)

❖ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

- Trong năm 2024, chỉ số về thanh toán ngắn hạn của Công ty gần như không có sự thay đổi. Chỉ số thanh toán ngắn hạn năm 2024 là 0,83 lần, trong khi đó của năm 2023 là 0,82 lần. Hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn được ở mức dưới 1 thể hiện nguồn tài sản ngắn hạn của Công ty chưa đáp ứng đủ nghĩa vụ phải trả cho các khoản nợ ngắn hạn.

❖ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Cơ cấu vốn nợ/tổng tài sản và cơ cấu vốn nợ/vốn chủ sở hữu có sự giảm đáng kể trong năm 2024. Điều này thể hiện chiều hướng chuyển biến ngày càng tích cực trong cơ cấu vốn. Phần lớn tài sản của Công ty được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu, Công ty vẫn đang duy trì có khả năng thanh toán được bằng việc sử dụng các tài sản sẵn có của mình. Tuy nhiên, việc tỷ số nợ/ tổng tài sản và tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu nhỏ hơn 1 cũng một phần thể hiện Công ty chưa tận dụng tối đa từ nguồn vốn vay để phát triển kinh doanh. Hệ số nợ/tổng tài sản năm 2024 là 0,42 lần và năm 2023 là 0,49 lần. Cơ cấu vốn thể hiện đặc điểm của lĩnh vực kinh doanh hiện tại của Công ty khi không đòi hỏi phải sử dụng nhiều đòn bẩy tài chính để đầu tư cho hoạt động kinh doanh.

❖ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

- Vòng quay hàng tồn kho năm 2024 của Công ty là 11,38 vòng, tăng đáng kể so với năm 2023 là 10,36 vòng. Điều này đồng nghĩa với thời gian bán hàng của Công ty diễn ra nhanh chóng, khối lượng hàng tồn kho được lưu chuyển liên tục trong kỳ. Đối với Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH, là công ty có sản phẩm chính là vôi, xi măng và thạch cao thì chỉ số vòng quay hàng tồn kho 11,38 lần trong năm là tương đối tốt so với trung bình ngành.

❖ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

- Nhìn chung, Công ty đạt kết quả tăng trưởng về lợi nhuận ấn tượng trong năm 2024, lần lượt được thể hiện qua các chỉ số ROA và ROE là 5,25 và 9,61 lần. Chỉ số ROA và ROE cao là kết quả việc Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH đang quản lý và sử dụng nguồn lực kinh tế một cách hiệu quả và năng suất hơn. Từ đó giúp tăng lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty năm 2024 lên mức 1.076 đồng, tăng 318,68% so với năm 2023.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2024)

a. Cổ phiếu:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.375.000 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.375.000 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Trong đó:
- + Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 14.375.000 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 23/07/2024

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	105	14.375.000	100
1.1	Nhà nước	0	0	0
1.2	Tổ chức	02	7.975.000	55,48
1.3	Cá nhân	103	6.400.000	44,58
2	Nước ngoài	0	0	0

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	3	12.769.200	88,83
2	Cổ đông khác	102	1.605.800	11,17
	Tổng cộng		14.375.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH)

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 0%

c. Quá trình góp vốn, tăng vốn kể từ thời điểm thành lập

Từ khi thành lập công ty cổ phần (23/10/2008) đến nay, Công ty đã thực hiện 11 lần tăng vốn từ 2,5 tỷ đồng lên 143,75 tỷ đồng. Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày trong bảng dưới đây:

TT	Thời gian	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Đối tượng chào bán	Đơn vị cấp
1	23/10/2008	2,5	Cổ đông sáng lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
2	20/03/2010	8	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
3	28/02/2012	10	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
4	08/03/2012	24	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
5	04/08/2016	41	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
6	12/08/2019	71	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

TT	Thời gian	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Đối tượng chào bán	Đơn vị cấp
7	30/06/2020	77	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
8	30/11/2020	92	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
9	22/12/2021	100	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
10	18/03/2022	115	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
11	07/06/2022	143,75	Cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư khác	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024, Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH không có ghi nhận giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024.

e. Các chứng khoán khác

Trong năm 2024, Công ty không phát hành các chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

a. Môi trường không khí

❖ *Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ nguồn đường*

Để giảm thiểu sự ô nhiễm gây ra do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải, Công ty áp dụng các biện pháp sau đây:

- Không chuyên chở hàng hoá vượt trọng tải quy định của xe.
- Trên dọc tuyến đường vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu thường xuyên được che bạt; tưới nước (nhất là vào mùa khô) trong phạm vi nhà máy. Các phương tiện vận tải chứa trong thùng kín và bắt buộc phải có bạt che chắn.
- Hàng ngày vệ sinh sân đường nội bộ trong nhà máy để giảm thiểu phát tán bụi. Tiến hành quét dọn, thu hồi bụi liệu rơi vãi sau mỗi ca sản xuất trong khu vực nhà máy.
- Công ty sẽ cho người thực hiện công tác tưới nước hàng ngày nhằm giảm lượng bụi trong không khí, số lần tưới là 1-2 lần/ngày.
- Khi các xe ô tô sau khi bố trí vị trí neo đậu phải tắt động cơ để giảm phát thải khí và bụi.

❖ *Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các công đoạn sản xuất:*

Công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường gồm:

- Hệ thống xử lý bụi + khí thải lò nung 1&2 gồm cyclone và lọc bụi túi vải 30.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi khu vực tiếp liệu lò nung 1&2 gồm lọc bụi túi vải 10.000m³/h.
- Hệ thống xử lý bụi khu vực ra vôi lò nung 1&2 gồm lọc bụi túi vải 10.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi + khí thải lò nung 3 gồm cyclone và lọc bụi túi vải 30.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi + khí thải lò nung 4 gồm cyclone và lọc bụi túi vải 30.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi + khí thải lò nung 5 gồm lọc bụi túi vải 20.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi khu vực ra vôi lò nung 3+4+5 gồm lọc bụi túi vải 10.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi dây chuyền hydrat

Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 3 tháng/lần để kiểm soát các thông số ô nhiễm đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường

b. Kiểm soát tiếng ồn, độ rung

Công ty áp dụng các biện pháp nhằm kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

- Nhà xưởng và hệ thống máy móc sản xuất đảm bảo độ ồn và rung động đạt quy chuẩn cho phép và đảm bảo khả năng cách âm giữa khu vực sản xuất với các khu vực bên ngoài.
- Che chắn nhà xưởng để làm giảm độ ồn ra môi trường xung quanh, kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bằng cách bảo dưỡng, bôi trơn.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị.
- Đơn vị có chế độ bảo dưỡng máy móc thường xuyên, chống mòn các chi tiết quay, gây ồn. Chi tiết hỏng do mòn, rỉ sẽ được thay thế kịp thời.

c. Tác động do nước thải

❖ *Đối với nước thải sinh hoạt: Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý gồm:*

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ:
 - + Công ty đã xây dựng 02 bể phốt có tổng dung tích 9,096 m³ (bể phốt khu vực văn phòng: 5,096 m³; bể phốt khu vực vệ sinh công nhân: 4 m³, để xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh.
 - + Công ty đã xây dựng 01 bể tách dầu mỡ có dung tích 3,5 m³ để xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn.
- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:
 - + Tóm tắt sơ đồ quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → bể trung chuyển → Bể yếm khí 1,2 → Bể hiếu khí 1,2 → Bể lắng, khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực.

❖ *Đối với nước mưa chảy tràn:*

- Đối với nước mưa trên mái nhà: lắp đặt hệ thống máng thu xung quanh mái nhà xưởng, khu văn phòng, xung quanh xưởng lắp đặt ống đứng thu gom dẫn nước từ mái nhà xuống cống thu nước mặt.

- Đối với nước mưa chảy tràn bề mặt nền: xây dựng một hệ thống đường thoát nước mưa chạy ngầm quanh các nhà xưởng để thu toàn bộ nước mưa chảy tràn bề mặt và nước mưa từ các ống

đứng thu nước mái chảy xuống.

- Bố trí các hố ga tại các vị trí ngoặt trên tuyến mương thu gom để thu cặn
- Kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần nạo vét cặn lắng ở các hố ga, khơi thông cống thoát nước mưa, không để chất thải sản xuất xâm nhập vào đường ống thoát nước gây tắc nghẽn.

d. Tác động do chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

❖ *Đối với chất thải rắn sinh hoạt*

Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Đặt các thùng chứa rác trong văn phòng, khu chế biến thức ăn, các hành lang của khu hành chính trong công ty và khu vực nhà ăn để thu gom rác thải phát sinh.
- Tổ chức công nhân thực hiện quét dọn vệ sinh cuối ngày, thu gom rác thải. Tất cả các nguồn thải này sẽ được tập trung lại kho lưu chứa tạm thời rác sinh hoạt của Công ty.
- Công ty tiếp tục hợp đồng với đơn vị cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường Phú Thù thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nơi quy định đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường với tần suất 2 ngày/lần.
- Định kỳ hút bỏ bùn cặn bể phốt (6 tháng/lần) và đưa đi xử lý như chất thải rắn thông thường theo đúng quy định hiện hành.

❖ *Đối với chất thải rắn sản xuất*

- Các biện pháp sẽ được áp dụng như sau:
 - + Hỗn hợp vôi bột và xỉ than phát sinh tại các vị trí hệ thống lọc bụi được thu gom vào kho sau đó bán cho đơn vị thu mua có nhu cầu sử dụng.
 - + Đối với những loại chất thải không thể tái chế (dụng cụ lao động hỏng không dể dàng sửa chữa thành phần nguy hại,...) được thu gom và đưa đi xử lý cùng với chất thải rắn nguy hại theo hợp đồng
 - + Vỏ bao: bán lại cho các đơn vị tái chế
 - + Xây dựng kho chất thải công nghiệp thông thường diện tích 30m² để lưu trữ tạm thời các chất thải trên.

❖ *Đối với chất thải nguy hại*

- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại 20m², trong kho dán nhãn, biển cảnh báo theo quy định.
- Bố trí thùng chứa tương ứng với từng loại chất thải, có nắp đậy và ghi rõ tên chất thải ở bên ngoài thùng chứa.
- Nước thải phòng thí nghiệm được chứa trong thùng chứa riêng; được đậy kín.
- Cuối mỗi ngày công nhân vệ sinh sẽ thu gom chất thải nguy hại đưa về kho lưu chứa chất thải nguy hại.
- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty môi trường An Sinh có chức năng định kỳ 6 tháng đến

thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là các loại đá vôi, than ... được sử dụng trong quá trình sản xuất vôi công nghiệp. Tổng số lượng nguyên vật liệu tiêu thụ của Công ty trong năm như sau:

Nguyên liệu tiêu thụ	Đơn vị	Số lượng
Đá CaO	Tấn	268.901
Đá Dolomite	Tấn	120.797
Than	Tấn	32.000

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Tình hình tiêu thụ các loại dầu, mỡ của Công ty trong năm như sau:

Nguyên liệu tiêu thụ	Đơn vị	Số lượng
Dầu mỡ	Lít	212.500

6.4. Tiêu thụ điện

Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Năng lượng tiêu thụ (kWh)	Thành tiền - chi phí (đồng) (VAT 10%)	Nguồn cung cấp
4.087.265	6.632.569.690	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương – Tổng Công ty điện lực miền Bắc

6.5. Tiêu thụ nước

Nguồn nước của Công ty sau khi sử dụng xong được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

Khối lượng (m ³)	Thành tiền - chi phí (đồng) (VAT 5%)	Nguồn cung cấp
10.694	155.06.000	Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

6.6 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty được cấp Giấy phép môi trường số: 2777/GPMT-UBND ngày 19/10/2022 cơ quan cấp: UBND tỉnh Hải Dương. Tất cả các công trường thi công của Công ty không để các vi phạm xảy ra, phần đầu không để các cơ quan quản lý nhà nước phải xử phạt vi phạm. Trong năm 2024, Công ty không bị phạt vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.7. Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 12 người. Mức lương bình quân người lao động trong năm 2024 là 15.727.254 đồng/người/tháng. Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật Lao động, bảo đảm chế độ cho người lao động trong Công ty. Người lao động trong Công ty cũng luôn được tạo điều kiện để học tập, đào tạo nâng cao tay nghề. Hàng năm, Công ty thường xuyên tiến cử nhân viên tham gia các khóa học về nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, chứng chỉ phục vụ trong công tác quản lý và triển khai các đầu mục công việc tại Công ty.

6.8 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vôi, dolomite và các sản phẩm từ vôi. Công ty luôn cố gắng tạo ra các sản phẩm chất lượng, nhằm phục vụ cho các ngành công nghiệp sản xuất, khai thác và trồng trọt. Ngoài ra Công ty luôn định hướng sử dụng vôi cho các ngành công nghiệp bảo vệ môi trường như sử dụng vôi ngâm nước cho việc xử lý nước thải, hoặc điều chỉnh nồng độ pH trong nước,...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về tình hình mọi mặt của Công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	%TH/KH
1	Doanh thu thuần	310.000.000.000	337.476.828.764	108,86%
2	Lợi nhuận trước thuế	5.000.000.000	18.804.482.750	376,09%
3	Cổ tức	-	-	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH)

Năm 2024, kinh tế Việt nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới dần hồi phục, thương mại toàn cầu vẫn bấp bênh, đối mặt với nhiều rủi ro, bất định. Bất ổn địa chính trị và xung đột quân sự gây ra biến động về giá xăng dầu, giá nguyên vật liệu, giá cước vận tải, kéo dài thời gian vận chuyển và giao hàng, tạo áp lực lên lạm phát, tăng trưởng toàn cầu chậm lại.

Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH với sự chỉ đạo kịp thời từ ban lãnh đạo, thích ứng linh hoạt để nắm bắt các cơ hội, đã đưa Công ty tăng trưởng vượt ngoài kế hoạch đặt ra. Cụ thể, năm 2024 doanh thu thuần thực hiện đạt 337,48 tỷ đồng, đạt 108,86% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 376,09% kế hoạch. Đây là kết quả từ tình hình triển khai các hợp đồng kinh tế tiến triển thuận lợi, việc ký mới các hợp đồng và các yếu tố khách quan từ thị trường kinh doanh chung hồi phục. Việc đảm bảo được đầu ra cùng với việc quản lý tốt các chi phí đầu vào và chi phí hoạt động khiến Công ty đảm bảo được khả năng sinh lời ấn tượng, thể hiện sự hồi phục mạnh mẽ trong năm 2024 của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính năm 2024 của Công ty có xu hướng phục hồi và tăng trưởng tương

đối ấn tượng. Để đạt được kết quả như vậy, Ban điều hành đã rất nỗ lực trong việc duy trì tình hình tài sản và nguồn vốn tài chính giữ ở mức lành mạnh tuy nhiên vẫn không thể tránh được những biến động trong ngắn hạn.

a. Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tăng, giảm (%)
Tài sản ngắn hạn	89.534.987.279	95.927.282.910	7,14
Tài sản dài hạn	207.878.309.619	195.992.482.191	(5,72)
Tổng cộng	297.413.296.898	291.919.765.101	(1,85)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH)

Tổng tài sản năm 2024 của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH đạt 291,9 tỷ đồng, giảm 1,85% so với năm 2023. Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, chiếm 67% tổng tài sản. Đóng góp chủ yếu là tài sản cố định, chiếm 51,6% tổng tài sản dài hạn. Đối với tài sản ngắn hạn, cơ cấu tài sản ngắn hạn chủ yếu đến từ các nguồn phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho, lần lượt chiếm 65% và 29% tài sản ngắn hạn.

b. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	Tăng, giảm (%)
Nợ ngắn hạn	109.201.986.552	115.644.199.188	5,09
Nợ dài hạn	35.070.000.000	7.670.000.000	(78,13)
Tổng cộng	144.271.986.552	123.314.199.188	(14,53)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH)

Tổng nợ phải trả năm 2024 của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH giảm 14,53% so với năm 2023, ghi nhận giá trị 123,3 tỷ đồng. Cơ cấu nợ bao gồm 94% nợ ngắn hạn và 6% nợ dài hạn, với giá trị nợ ngắn hạn là 115,7 tỷ đồng và giá trị nợ dài hạn là 7,67 tỷ đồng. Cơ cấu nợ vay ngắn hạn chủ yếu là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, chiếm 91,3% tương đương với 105,57 tỷ đồng. Đối với khoản mục nợ dài hạn, cơ cấu chủ yếu là vay và nợ thuê tài chính dài hạn, chiếm toàn bộ khoản mục nợ dài hạn của Công ty. Ngoài ra, công ty không có nợ quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng theo hướng tinh, gọn và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Chính sách quản lý được xây dựng đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm tối đa chi phí cũng như đảm bảo chất lượng công trình, sản phẩm của Công ty.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Doanh thu	302.000
2	Lợi nhuận trước thuế	9.000
3	Lợi nhuận sau thuế	7.200
4	Tỷ lệ cổ tức (%)	-

❖ Giải pháp thực hiện

- Đồng bộ hóa năng lực thiết bị các dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng công trình, xây dựng uy tín trên thị trường;
- Luôn tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng mức cao nhất;
- Trở thành một đơn vị được tin cậy trong lĩnh vực sản xuất vôi công nghiệp;
- Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến phát triển bền vững;
- Nâng cao năng lực quản lý, sản xuất tại nhà máy, nâng cao năng suất, tiến độ, chất lượng, giảm chi phí, tăng lợi nhuận;
- Tiếp tục đẩy nhanh hơn nữa tiến độ giao hàng cho các đối tác;
- Đầu tư về con người, tổ chức, cho cán bộ chủ chốt theo học các lớp nâng cao nghiệp vụ.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình vì ý kiến kiểm toán đối với BCTC năm 2024 được kiểm toán của Công ty là ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động đầu tư, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong lĩnh vực sản xuất vôi công nghiệp.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động làm việc tại Công ty được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Với sự cải tiến và lao động không ngừng nghỉ, các sản phẩm vôi như vôi nung, vôi hydrat hóa...& dolomite của chúng tôi đem lại nhiều giá trị cho ngành công nghiệp như: luyện kim, công nghiệp khai khoáng, sản xuất giấy, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản... trong quá trình sản xuất, khai thác và trồng trọt.

Ngoài ra công ty còn tham gia các hoạt động quyên góp ủng hộ tại địa phương như tặng quà

tết cho hộ nghèo phường Phú Thứ, ủng hộ thị xã lên đô thi loại 3, ủng hộ trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật phường Phú Thứ....

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kinh tế – xã hội Việt Nam năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét. Tổng sản lượng quốc gia năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm 2023. Trong nước, hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ duy trì theo hướng tăng trưởng ổn định, bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và phục vụ xuất khẩu. Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,36% so với năm trước, đạt mục tiêu kế hoạch đặt ra. Bên cạnh đó, Công ty phải đối mặt với diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới. Xung đột leo thang ở Nga – Ukraina, Trung Đông. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt. Bảo hộ thương mại và rào cản thương mại có xu hướng gia tăng khiến cho tình trạng phân mảnh của nền kinh tế toàn cầu diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, mặc dù các hoạt động kinh doanh của Công ty đang có xu hướng dẫn hồi phục, nhưng Ban điều hành vẫn luôn chủ động với những tình huống bất ngờ, với những kinh nghiệm thực tiễn và lợi thế về tiềm lực tài chính đã giúp Công ty hạn chế được những tổn thất và tạo tiền đề cho hoạt động kinh doanh năm 2025.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Năm 2024, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát đối với Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH thông qua việc:

- Thường xuyên tổ chức, chủ trì, đồng chủ trì, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cụ thể:
 - + Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị để giải quyết các công việc theo thẩm quyền;
 - + Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 02/04/2024 theo hình thức trực tiếp với 100% số lượng thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp;
 - + Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Trao đổi, làm rõ, yêu cầu giải trình đối với Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; thực hiện phân cấp, phân định trách nhiệm rõ ràng giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phù hợp với quy định hiện hành.
- Khi tiếp cận các biên bản kiểm tra/báo cáo tổng hợp/các kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty, Hội đồng quản trị đã nghiên cứu và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các bộ phận có liên quan nghiêm túc lĩnh hội và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
- Xem xét và xử lý các Tờ trình, Báo cáo, đánh giá, các đề xuất/ kiến nghị của Ban Tổng giám đốc, bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty theo đúng thẩm quyền.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh cho những năm tiếp theo, Hội đồng quản trị đã định hướng hoạt động cụ thể như sau:

- HĐQT luôn xem xét trách nhiệm tối cao của mình là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, các hoạt động của HĐQT phải minh bạch, phải đặt quyền lợi của các cổ đông và sự phát triển của Công ty là trên hết;
- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty;
- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát và phối hợp với Tổng giám đốc Công ty và bộ máy quản lý trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- Tiếp tục rà soát, kiểm tra và tổ chức thực hiện tốt hệ thống quy chế nội bộ Công ty một cách đồng bộ, hệ thống, sát thực tế, đáp ứng yêu cầu mới, phù hợp với các quy định hiện hành, làm cơ sở hành lang pháp lý nội bộ cho việc tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Sau khi đăng ký công ty đại chúng, Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH sẽ áp dụng tuân thủ các quy định về quản trị công ty đại chúng ban hành tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%/vốn điều lệ)	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các công ty khác
1	Đặng Đức Minh	Chủ tịch HĐQT	Cá nhân sở hữu 4.794.200 cổ phiếu, tương đương 33,35% vốn điều lệ	+ Chủ tịch HĐQT kiêm TGD tại Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH HOLDINGS + Chủ tịch HĐQT tại Công ty TNHH Vận tải DLH + Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần

				<p>Đại Thịnh Việt</p> <p>+ Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh</p> <p>+ Chủ tịch HĐQT tại Công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa</p> <p>+ Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Trường Phúc</p> <p>+ Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Trường Lộc</p> <p>+ Chủ tịch HĐQT tại Công ty TNHH vận tải thủy DLH</p>
2	Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	Cá nhân sở hữu 703.800 cổ phiếu, tương đương 4,90% vốn điều lệ	<p>+ Thành viên HĐQT tại Công ty TNHH vận tải DLH</p> <p>+ Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Khánh An</p> <p>+ Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings</p> <p>+ Thành viên HĐQT tại Công ty TNHH</p>

				Vận tải thủy DLH + Chủ tịch HĐQT tại công ty cổ phần Thương mại quốc tế An Phú Sơn
3	Nguyễn Mạnh Trung	Thành viên HĐQT không điều hành	Cá nhân sở hữu 0 cổ phiếu, tương đương 0%	+ Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Phúc Trường Lộc + Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu Tư TND Global + Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu Tư TND Holding + Chủ tịch kiêm giám đốc công ty TNHH MTV Vôi Việt Nam
4	Nguyễn Văn Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	Cá nhân sở hữu 200.000 cổ phiếu, tương đương 1,39% vốn điều lệ	+ Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt + Giám đốc tại Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh + Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phúc Trường Thịnh + Giám đốc tại

				Công ty TNHH Vôi công nghiệp Long Sơn + Giám đốc tại Công ty TNHH vôi DLH Nghi Sơn
5	Lê Quý Sơn	Thành viên HĐQT điều hành, kiêm Tổng giám đốc	Cá nhân sở hữu 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ	+ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh + Giám đốc công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa + Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Trường Phúc + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DLH Holdings + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Phúc Trường Thịnh + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư Phúc Trường Lộc

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện nay, Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Trong tương lai, tùy thuộc vào nhu cầu quản trị và tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu và cân nhắc thành lập các tiểu ban để giúp việc cho Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã quản lý và chỉ đạo điều hành Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tổ chức triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đặng Đức Minh	06/06	100%	-
2	Ông Vũ Mạnh Hùng	06/06	100%	-
3	Ông Nguyễn Mạnh Trung	06/06	100%	-
4	Ông Nguyễn Văn Hải	06/06	100%	-
5	Ông Lê Quý Sơn	06/06	100%	-

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã họp thông qua các nội dung sau đây:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung cuộc họp	Ngày	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/QĐHĐQT	Tiếp tục giải phóng mặt bằng dự án cảng (bên thủy nội địa)	06/01/2024	100%
2	01.03/2024/QĐHĐQT	Thông qua các tờ trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024	31/03/2024	100%
3	01.06/2024/QĐHĐQT	KQKD 6 tháng đầu năm và KHKD 6 tháng cuối năm 2024	30/06/2024	100%
4	15.08/2024/QĐHĐQT	Thông qua kế hoạch kinh doanh 12 tháng từ tháng 8.2024-8.2025 và cấp mới GHTD, phương án vay	15/08/2024	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung cuộc họp	Ngày	Tỷ lệ thông qua
		vốn & phương án tài sản đảm bảo để thế chấp, cầm cố tại Vietinbank KCNHD		
5	05/2024/QĐHĐQT	Giải quyết một số vấn đề tồn đọng trong HĐSXKD và cải tạo nâng cấp tuyến đường từ nhà máy ra tỉnh lộ 17B	30/09/2024	100%
6	01.12/2024/QĐHĐQT	Thông qua việc ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính 2024 với công ty TNHH hãng kiểm toán AASC	24/12/2024	100%

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Hiện tại, các thành viên Hội đồng quản trị chưa tham gia các khóa đào tạo để được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Thanh Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	28/05/2022	-	Cá nhân sở hữu 3.000 cổ phiếu, tương đương 0,021% vốn điều lệ

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
2	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	28/05/2022	-	Cá nhân sở hữu 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
3	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	28/05/2022	-	Cá nhân sở hữu 2.000 cổ phiếu, tương đương 0,014% vốn điều lệ

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Phạm Thanh Nhân	02/02	100%	100%	-
2	Bà Nguyễn Thị Huyền	02/02	100%	100%	-
3	Bà Phạm Thị Thu Hà	02/02	100%	100%	-

BKS đã tiến hành kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD) năm 2024 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HDQT, Ban điều hành trong năm 2024;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HDQT, BGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của Công ty trong năm 2024;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đối với HDQT và Ban điều hành;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính.

Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát đã nhận được đầy đủ, kịp thời các tài liệu, nghị quyết, văn bản ... của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc thực hiện các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao do ĐHĐCĐ thông qua (đồng)	Lương chức danh đang công tác (đồng)
I	Hội đồng quản trị			
1	Đặng Đức Minh	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	0	0
3	Nguyễn Mạnh Trung	Thành viên HĐQT	0	0
4	Nguyễn Văn Hải	Thành viên HĐQT	0	0
5	Lê Quý Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	0	287.838.076
II	Ban Kiểm soát			
1	Phạm Thanh Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
3	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
III	Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng			
1	Lê Quý Sơn	Tổng Giám đốc	0	287.838.076
2	Bùi Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	0	219.082.501
3	Hoa Kim Dung	Kế toán trưởng	0	219.648.534

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Công ty không có giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Công ty có hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ, thông tin như sau:

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan đến công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT,... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm VAT)
1	Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	Ông Đặng Đức Minh chủ tịch HĐQT đồng thời là chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt; Ông Nguyễn Văn Hải thành viên HĐQT đồng thời là thành viên HĐQT kiêm giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt; Bà Phạm Thanh Nhân trưởng ban kiểm soát là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt.	01.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2024	Hợp đồng bán hàng giá trị 1.246.545.500 đồng; Hợp đồng mua hàng giá trị 3.278.320.500 đồng
2	Công ty TNHH Vận tải DLH	Ông Đặng Đức Minh chủ tịch HĐQT đồng thời là chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vận tải DLH; Ông Nguyễn Mạnh Hùng thành viên HĐQT là thành viên Công ty TNHH Vận tải DLH	01.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2024	Hợp đồng vận chuyển hàng mua giá trị 2.229.000.000 đồng; Hợp đồng vận chuyển hàng bán giá trị 458.223.705 đồng
3	Công ty cổ phần sản xuất bao bì Khánh An	Vợ Ông Đặng Đức Minh là chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc, cổ đông Công ty cổ phần sản xuất bao bì Khánh An; Ông Nguyễn Mạnh	01.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2024	Hợp đồng mua hàng giá trị 963.945.000 đồng

		Hùng thành viên HĐQT đồng thời là thành viên HĐQT và cổ đông Công ty cổ phần sản xuất bao bì Khánh An		
4	Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	Ông Đặng Đức Minh chủ tịch HĐQT đồng thời là chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vận tải thủy DLH; Ông Vũ Mạnh Hùng thành viên HĐQT đồng thời là thành viên HĐQT Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	01.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2024	Hợp đồng vận chuyển hàng mua giá trị 14.984.717.890 đồng

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Áp dụng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty bám sát theo Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ – CP về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư 116/2020/TT – BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020
- Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “*Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Chi tiết như báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm. Báo cáo tài chính công ty năm 2024 đã được kiểm toán được công bố trên website của Công ty tại địa chỉ: www.dlhlime.com)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- HĐQT;
- website: dlhlime.com;
- Lưu VT.

Hải Dương, ngày 04 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VÔI CÔNG NGHIỆP DLH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quý Sơn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VÔI CÔNG NGHIỆP DLH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 38
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0800462363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười tám ngày 19 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 20 cụm Công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đặng Đức Minh	Chủ tịch
Ông: Vũ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông: Lê Quý Sơn	Thành viên
Ông: Nguyễn Mạnh Trung	Thành viên
Ông: Nguyễn Văn Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Quý Sơn	Tổng Giám đốc
Ông: Bùi Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Phạm Thanh Nhân	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Bà: Phạm Thị Thu Hà	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Lê Quý Sơn - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH

Lô 20 cụm Công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ,
thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Lê Quý Sơn

Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 11 tháng 03 năm 2025



Số: 120325.002/BCTC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH được lập ngày 11 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Bùi Thị Loan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4927-2022-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		95.927.282.910	89.534.987.279
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	4.773.345.890	13.032.776.501
111	1. Tiền		4.773.345.890	13.032.776.501
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		62.151.725.846	44.872.114.017
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	55.954.299.500	30.420.467.582
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	5.698.905.486	11.441.681.833
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	5.970.000.000	6.840.000.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.471.479.140)	(3.830.035.398)
140	III. Hàng tồn kho	08	28.228.182.759	31.070.267.357
141	1. Hàng tồn kho		28.228.182.759	31.070.267.357
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		774.028.415	559.829.404
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	613.741.461	527.317.170
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		59.404.474	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	100.882.480	32.512.234
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		195.992.482.191	207.878.309.619
220	I. Tài sản cố định		110.209.087.115	129.641.061.439
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	110.209.087.115	129.641.061.439
222	- Nguyên giá		244.235.251.285	239.876.468.879
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(134.026.164.170)	(110.235.407.440)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	09	26.198.629.597	37.822.783.685
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		26.198.629.597	37.822.783.685
260	III. Tài sản dài hạn khác		59.584.765.479	40.414.464.495
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	59.584.765.479	40.414.464.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		291.919.765.101	297.413.296.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		123.314.199.188	144.271.986.552
310	I. Nợ ngắn hạn		115.644.199.188	109.201.986.552
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	3.467.770.380	2.786.435.946
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	101.087.480	392.458.108
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.349.168.940	1.519.229.183
314	4. Phải trả người lao động		2.709.874.502	2.362.510.566
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	270.408.227	425.208.777
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	177.895.155	174.452.040
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	105.567.994.504	101.541.691.932
330	II. Nợ dài hạn		7.670.000.000	35.070.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	7.670.000.000	35.070.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		168.605.565.913	153.141.310.346
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	168.605.565.913	153.141.310.346
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		143.750.000.000	143.750.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		143.750.000.000	143.750.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.250.625.000	1.250.625.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.604.940.913	8.140.685.346
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.140.685.346	4.444.955.311
421b	LNST chưa phân phối năm nay		15.464.255.567	3.695.730.035
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		291.919.765.101	297.413.296.898

Hải Dương, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Luyến

Quách Minh Thành

Lê Quý Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	337.476.828.764	303.387.091.544
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		337.476.828.764	303.387.091.544
11	4. Giá vốn hàng bán	21	298.204.453.353	270.698.794.580
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.272.375.411	32.688.296.964
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	121.288.848	81.068.068
22	7. Chi phí tài chính	23	9.102.791.132	13.509.787.476
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.084.156.904	13.494.299.502
25	8. Chi phí bán hàng	24	2.560.321.877	4.210.760.259
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.853.278.669	10.226.192.760
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.877.272.581	4.822.624.537
31	11. Thu nhập khác	26	6.858.924	47.503.363
32	12. Chi phí khác	27	79.648.755	44.673.424
40	13. Lợi nhuận khác		(72.789.831)	2.829.939
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.804.482.750	4.825.454.476
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	3.340.227.183	1.129.724.441
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.464.255.567	3.695.730.035
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.076	257

Hải Dương, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Luyện

Quách Minh Thành

Lê Quý Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.804.482.750	4.825.454.476
	2. Điều chỉnh cho các khoản		34.440.833.520	39.828.318.626
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		23.814.756.730	24.901.205.157
03	- Các khoản dự phòng		1.641.443.742	1.500.085.828
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(94.084.747)	(63.187.047)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.439.109)	(4.084.814)
06	- Chi phí lãi vay		9.084.156.904	13.494.299.502
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.245.316.270	44.653.773.102
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(19.048.437.171)	14.565.230.951
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.740.704.054)	(3.584.218.286)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.703.534	(45.403.278.932)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.076.012.148	5.337.155.091
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.155.348.831)	(13.445.860.508)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(769.759.726)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.613.782.170	2.122.801.418
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.728.846.089)	(7.725.642.639)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		130.200.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.439.109	4.084.814
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.593.206.980)	(7.721.557.825)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1 Tiền thu từ đi vay		154.020.185.821	189.981.923.974
34	2 Tiền trả nợ gốc vay		(177.393.883.249)	(174.475.383.731)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(23.373.697.428)	15.506.540.243
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.353.122.238)	9.907.783.836

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Hải Dương, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc

Tổng Giám
Lê Quý Sơn

Lê Quý Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0800462363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười tám ngày 19 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 20 cụm Công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Vốn điều lệ của Công ty là: 143.750.000.000 VND; tương đương 14.375.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 142 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 150 người).

Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh vôi, dolomite.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất vôi, dolomite;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các sản phẩm từ vôi, dolomite;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm từ đá vôi, dolomite.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Tại thời điểm 31/12/2024, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn của Công ty là 19.717 triệu VND (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 19.667 triệu VND). Tuy nhiên hoạt động kinh doanh trong năm 2023 và 2024 của Công ty vẫn đang diễn ra ổn định và có lãi theo kế hoạch, Công ty không có lỗ lũy kế đến 31/12/2024. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có kế hoạch sản xuất, bán hàng và vay từ tổ chức tín dụng để cân đối dòng tiền để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian tới. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng Công ty có thể tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh bình thường và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty ít nhất trong vòng 12 tháng tới.

Trong năm 2024, tác động từ phục hồi kinh tế, nhu cầu khách hàng tăng cao, công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, dẫn đến doanh thu thuần về bán hàng công ty tăng 34,09 tỷ VND (tương đương tăng 11,24%) so với năm 2023. Cùng với hiệu quả mang lại từ tiết kiệm chi phí, tận dụng tốt dòng tiền kinh doanh, giảm các khoản vay tài chính và tác động giảm lãi suất tín dụng của Nhà nước dẫn đến Lợi nhuận trước thuế Công ty tăng 13,98 tỷ VND (tương ứng tăng 289,69%) so với năm 2023.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.



10/12/2024
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
HẢI DƯƠNG

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 năm

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

- Chi phí giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa tại các khu đất thuê sử dụng phục vụ các dự án xây dựng, được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và phân bổ dần trong thời gian hoạt động của dự án.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu lĩnh vực sản xuất các sản phẩm liên quan tới vôi và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	3.934.271.074	2.689.785.584
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	839.074.816	10.342.990.917
	4.773.345.890	13.032.776.501

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	918.212.760	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	918.212.760	-	-	-
Bên khác	55.036.086.740	(159.899.140)	30.420.467.582	(111.929.398)
- Công ty Cổ phần DLH Global	44.434.590.316	-	22.167.511.357	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Anh Linh	5.197.008.085	-	2.726.158.379	-
- Các khách hàng khác	5.404.488.339	(159.899.140)	5.526.797.846	(111.929.398)
	55.954.299.500	(159.899.140)	30.420.467.582	(111.929.398)

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	457.149.920	-	247.886.033	-
- Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	-	-	247.886.033	-
- Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	457.149.920	-	-	-
Bên khác	5.241.755.566	(811.580.000)	11.193.795.800	(568.106.000)
- Công ty TNHH Khoáng sản Minh Hưng	633.822.120	-	660.000.000	-
- Công ty Cổ phần EAGLE CAPITAL Việt Nam	510.000.000	-	340.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Bùi Đức	2.602.353.400	-	8.397.355.800	-
- Công ty TNHH Đầu tư Victory Việt Nam	811.580.000	(811.580.000)	811.580.000	(568.106.000)
- Công ty TNHH Vận tải Mạnh Phong	600.000.046	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	84.000.000	-	984.860.000	-
	5.698.905.486	(811.580.000)	11.441.681.833	(568.106.000)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ký cược, ký quỹ (1)	1.470.000.000	-	2.340.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng (2)	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000	(3.150.000.000)
	5.970.000.000	(4.500.000.000)	6.840.000.000	(3.150.000.000)

(1) Khoản tiền đảm bảo thực hiện dự án Nhà máy vôi công nghiệp DLH Công ty nộp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương theo Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 29 ngày 01/04/2023. Chi tiết thông tin về dự án tại Thuyết minh số 9 và số 11.

(2) Khoản phải thu của Công ty với Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng để chuẩn bị cho việc ký và thực hiện hợp đồng liên doanh khai thác đá tại núi Thùm Thùm, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Theo đó, trong năm 2019 và năm 2020, Công ty đã thay mặt Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng nộp vào NSNN số tiền 3.647.714.000 VND để thanh toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Ngày 28/06/2021, Công ty chuyển cho Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng số tiền 1.352.286.000 VND theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2020/HDDC ngày 19/12/2020. Hợp đồng đặt cọc này sẽ được khấu trừ vào tiền bên Công ty chuyển cho Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa hai bên để triển khai Dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu phục vụ nhà máy xi măng Hải Phòng. Hai bên đang trong quá trình đàm phán, thương lượng các thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Tuy nhiên đến cuối năm 2021, Công ty và Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng thống nhất không tiếp tục thực hiện việc hợp tác kinh doanh, do đó Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền này cho Công ty. Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng đã hoàn trả 500.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty và Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng vẫn đang tiếp tục làm việc để thống nhất phương án thanh toán và chấm dứt việc hợp tác kinh doanh.

7. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Phải thu khách hàng	159.899.140	-	159.899.140	47.969.742
Công ty Cổ phần Vật liệu công nghệ Cao Kim Nam	159.899.140	-	159.899.140	47.969.742
+ Trả trước cho người bán	811.580.000	-	811.580.000	243.474.000
Công ty TNHH Đầu tư Victory Việt Nam	811.580.000	-	811.580.000	243.474.000
+ Phải thu khác	4.500.000.000	-	4.500.000.000	1.350.000.000
Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng	4.500.000.000	-	4.500.000.000	1.350.000.000
	5.471.479.140	-	5.471.479.140	1.641.443.742

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	15.221.429.871	-	17.167.778.289	-
- Công cụ, dụng cụ	428.437.915	-	436.039.520	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.159.012.377	-	1.868.752.101	-
- Thành phẩm	10.419.302.596	-	11.597.691.087	-
- Hàng hóa	-	-	6.360	-
	28.228.182.759	-	31.070.267.357	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty đã được sử dụng là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 62/2017/HĐTC/KCNHD5 ngày 12/05/2017 cho các Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được trình bày tại Thuyết minh số 12.

9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	24.954.179.651	37.822.783.685
Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH (1)	209.263.500	21.092.707.685
Dự án Bến thủy Nội địa DLH (2)	24.744.916.151	16.730.076.000
- Sửa chữa lớn	1.244.449.946	-
Chế tạo kết cấu thép mái che khu đóng hàng và thay tôn đỉnh lò	1.244.449.946	-
	26.198.629.597	37.822.783.685

(1) Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH

- Dự án Nhà máy Vôi công nghệ DLH được UBND tỉnh Hải Dương cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 430/QĐ-UBND ngày 03/02/2016; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ nhất số 2463/QĐ-UBND ngày 11/08/2017; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ hai số 1802/QĐ-UBND ngày 14/05/2019; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ 3 số 3780/QĐ-UBND ngày 14/12/2020; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy vôi công nghiệp DLH số 1098/QĐ-UBND ngày 07/06/2023, gồm một số thông tin chính như sau:

- + Tên dự án: Nhà máy vôi công nghiệp DLH;
- + Địa điểm xây dựng: Các lô CN4, CN6, CN20, Cụm Công nghiệp Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương;
- + Mục đích xây dựng: Nhà máy sản xuất Vôi công nghiệp;
- + Mục tiêu dự án: Sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite; chế biến vôi cục, dolomite qua nung, các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung và cho thuê sân bãi, nhà xưởng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường;
- + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH;
- + Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;
- + Quy mô của dự án: Dự án sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite với quy mô 320.000 tấn/năm; và kinh doanh chế biến vôi, dolomite nung, và các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung với quy mô 120.000 tấn/năm thông qua hợp đồng hợp tác, kinh tế, gia công chế biến vôi đơn vị sản xuất khác; cho thuê nhà xưởng, cho thuê sân bãi;
- + Tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu: 408.000 triệu VND;
- + Diện tích đất sử dụng: 37.942 m2 (gồm lô đất số CN4, CN6 có diện tích 21.445 m2; lô đất CN20 có diện tích 16.497 m2 và diện tích đường nội bộ); Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án;
- + Thời gian bắt đầu triển khai công trình và dự kiến hoàn thành: Thực hiện từ tháng 02/2016, xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động đồng bộ trước ngày 31 tháng 12 năm 2024;

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2024:

- + Giai đoạn 1: Trên lô đất CN20- Thửa đất số 240 tờ bản đồ địa chính số 35, diện tích 16.497 m2 thuộc phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Sở xây dựng đã cấp Giấy phép xây dựng số 25/GPXD- SXD ngày 08/05/2018 để Công ty thực hiện xây dựng công trình trên đất thuộc dự án Nhà máy vôi công nghiệp DLH. Công ty đã hoàn thành các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị của các dây chuyền sản xuất vôi từ tháng 02/2017 đến tháng 10/2021 với giá trị là 219.869 triệu VND. Giá trị giải phóng mặt bằng đã chi trả là 8.856 triệu VND, được Công ty theo dõi và phân bổ theo thời gian thuê đất. (Chi tiết tại Thuyết minh số 11).
- + Giai đoạn 2: Trên lô đất CN4, CN6, Cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương với diện tích 21.445 m2, Công ty thực hiện xong giải phóng mặt bằng và đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO028456 ngày 05/02/2024. Chi phí giải phóng mặt bằng phát sinh (sau khi trừ đi giá trị chi phí giải phóng mặt bằng được bù trừ với tiền thuê đất) là 13.189 triệu VND đang được theo dõi trên chi tiêu Chi phí trả trước và được phân bổ phù hợp theo thời gian thuê đất. (Chi tiết tại Thuyết minh số 11). Công ty đang thực hiện các thủ tục để xin cấp phép xây dựng phần mở rộng dự án làm khu vực chế biến sản phẩm và điều chỉnh tiến độ thực hiện trên Chủ trương đầu tư.

(2) Dự án Bến Thủy Nội địa DLH

- Dự án Bến Thủy Nội địa được cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 3174/QĐ-UBND ngày 08/12/2015, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ nhất số 3779/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 với các nội dung sau:
 - + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH;
 - + Địa điểm xây dựng: Bãi ngoài đê sông Hàn Mầu (K0+900 đến K1+166,5), phường Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương;
 - + Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng bến thủy nội địa và cho thuê bến bãi;
 - + Mục đích xây dựng: Phục vụ bốc xếp hàng hóa cho sản xuất kinh doanh;
 - + Quy mô dự án: Bốc xếp hàng hóa 800.000 tấn/năm; Cho thuê bến bãi, diện tích cho thuê 1.000m²;
 - + Diện tích đất sử dụng: 21.532 m². Trong đó, diện tích đất xin thuê 6.888,0 m² và Diện tích đất lưu không: 14.644 m²; Hình thức sử dụng đất: Thuê đất một lần cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án;
 - + Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;
 - + Tổng mức đầu tư tạm tính: 19.920 triệu VND;
 - + Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 27 tháng 4 năm 2059;
 - + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động đồng bộ trước ngày 31/12/2021 (theo Quyết định chủ trương đầu tư số 3779/QĐ-UBND ngày 14/12/2020);
- Công ty đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp hoạt động liên quan đến đề điều số 2178/GP-UBND ngày 31/07/2020;
- **Thực trạng dự án đến thời điểm 31/12/2024:**

Giai đoạn 1: Công ty đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hoàn thành Giai đoạn 1 đối với phần diện tích 14.101,6 m² và đưa vào hoạt động từ tháng 12/2021 với chi phí xây dựng tăng TSCĐ theo quyết toán của Công ty là 5.977 triệu VND; Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng ghi nhận trên Chi phí trả trước dài hạn theo chi phí thực tế chi trả đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt là 24.314 triệu VND (*chi tiết tại Thuyết minh số 11*).
- + Giai đoạn 2: Đối với phần diện tích còn lại Công ty đang tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng. Ngày 25/02/2025, Công ty đã gửi Công văn số 25/CV-DLH đến Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương về việc đề xuất hoàn thiện các thủ tục phương án đền bù theo quy định để được giao đất phần diện tích còn lại. Đến thời điểm 31/12/2024, giá trị giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 là 24.744 triệu VND. Giá trị chi phí giải phóng mặt bằng sẽ được quyết toán theo giá trị thực tế đã thực hiện và theo các quy định của nhà nước được cơ quan chức năng của tỉnh phê duyệt sau khi dự án được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó, Công ty đang thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư về tổng mức đầu tư và tiến độ thực hiện.



Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH

Lô 20 cụm Công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	101.952.873.158	130.498.577.149	6.558.000.572	628.668.000	238.350.000	239.876.468.879
- Mua trong năm	-	4.358.782.406	-	-	-	4.358.782.406
Số dư cuối năm	101.952.873.158	134.857.359.555	6.558.000.572	628.668.000	238.350.000	244.235.251.285
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	53.453.504.672	51.497.903.524	4.485.731.230	559.918.014	238.350.000	110.235.407.440
- Khấu hao trong năm	9.539.672.466	13.463.644.900	746.439.360	41.000.004	-	23.790.756.730
Số dư cuối năm	62.993.177.138	64.961.548.424	5.232.170.590	600.918.018	238.350.000	134.026.164.170
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	48.499.368.486	79.000.673.625	2.072.269.342	68.749.986	-	129.641.061.439
Tại ngày cuối năm	38.959.696.020	69.895.811.131	1.325.829.982	27.749.982	-	110.209.087.115

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 109.729.967.818 VND.

(Các tài sản cầm cố, thế chấp được trình bày chi tiết tại *Thuyết minh số 12*)

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.981.770.048 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	358.741.461	357.374.462
- Chi phí bảo hiểm	183.000.000	169.942.708
- Chi phí thuê đất	72.000.000	-
	613.741.461	527.317.170
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.423.721.333	11.177.123.688
- Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH ⁽¹⁾	20.138.332.709	7.493.859.133
- Tiền thuê đất từ tháng 10/2030 đến ngày 27/04/2059 chờ phân bổ của Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH ⁽²⁾	7.723.416.750	-
- Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Bến thủy nội địa DLH ⁽³⁾	20.927.698.887	21.563.370.319
- Các khoản khác	3.371.595.800	180.111.355
	59.584.765.479	40.414.464.495

(1) Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH

- Chi phí giải phóng mặt bằng các lô CN 4, 6, 20, Cụm Công nghiệp Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương;
- Hình thức sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm;
- Thời gian sử dụng: Đến ngày 27/04/2059 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1098/QĐ-UBND ngày 27/06/2023 của UBND tỉnh Hải Dương;
- Tổng diện tích theo Quyết định chủ trương đầu tư dự án: 38.912 m²;
- Diện tích đã thực hiện giải phóng mặt bằng, đưa vào sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 37.942 m², trong đó 16.497 m² đã hoàn thành xây dựng Nhà máy Vôi công nghiệp DLH, phần diện tích còn lại đã hoàn thành san lấp giải phóng mặt bằng, đang được sử dụng làm bãi chứa đá vôi trong thời gian chờ xây dựng Nhà máy Vôi công nghiệp DLH giai đoạn 2;
- Tổng chi phí giải phóng mặt bằng đã ghi nhận: 22.045 triệu VND. Tại ngày 31/12/2024, số chi phí còn phân bổ là 20.138 triệu VND.

(2) Tiền thuê đất từ tháng 10/2030 đến ngày 27/04/2059 chờ phân bổ của Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH

- Chi phí tiền thuê đất từ tháng 10/2030 đến ngày 27/04/2059 của lô đất 21.445 m² thuộc dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH xác định theo Xác nhận số 7371/XN-CTHDU ngày 26/08/2024 của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

(3) Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Bến thủy Nội địa DLH

- Chi phí giải phóng mặt bằng Bãi ngoài đê sông Hàn Mầu (K0+900 đến K1+166,5) phường Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương;
- Hình thức sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần;
- Thời gian sử dụng: Đến ngày 27/04/2059 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 3779/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Hải Dương;
- Tổng diện tích theo Quyết định chủ trương đầu tư dự án: 21.532 m²;
- Diện tích đã thực hiện giải phóng mặt bằng và đưa vào sử dụng: 14.101,6 m²;
- Tổng chi phí giải phóng mặt bằng (gồm chi phí đền bù nhà cửa, hoa màu, chi phí đền bù tiền đất, chi phí tôn tạo mặt bằng,...) đã ghi nhận: 24.314 triệu VND. Tại ngày 31/12/2024, số tiền còn phân bổ là 20.927 triệu VND.

Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH

Lô 20 cụm Công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	79.643.694.603	79.643.694.603	154.020.185.821	155.495.885.920	78.167.994.504	78.167.994.504
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	79.643.694.603	79.643.694.603	154.020.185.821	155.495.885.920	78.167.994.504	78.167.994.504
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	21.897.997.329	21.897.997.329	27.400.000.000	21.897.997.329	27.400.000.000	27.400.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	21.897.997.329	21.897.997.329	27.400.000.000	21.897.997.329	27.400.000.000	27.400.000.000
	101.541.691.932	101.541.691.932	181.420.185.821	177.393.883.249	105.567.994.504	105.567.994.504
b) Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	56.967.997.329	56.967.997.329	-	21.897.997.329	35.070.000.000	35.070.000.000
	56.967.997.329	56.967.997.329	-	21.897.997.329	35.070.000.000	35.070.000.000
	56.967.997.329	56.967.997.329	-	21.897.997.329	35.070.000.000	35.070.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(21.897.997.329)	(21.897.997.329)	(27.400.000.000)	(21.897.997.329)	(27.400.000.000)	(27.400.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	35.070.000.000	35.070.000.000			7.670.000.000	7.670.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 328/2024-HĐCVHM/NHCT-KCNHD15 ký ngày 31/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất;
 - + Thời hạn vay: Tối đa 05 tháng đối với mỗi khoản vay;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2024 là 78.167.994.504 VND.
- (2) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương bao gồm 2 hợp đồng tín dụng:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 238/2020-HDDCVDADD/NHCT-KCNHD5 ngày 30/11/2020 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 62.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thực hiện Dự án đầu tư mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị; cải tạo, nâng cấp dây chuyền số 2;
 - + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
 - + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2024 là 24.000.000.000 VND; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 24.000.000.000 VND.
- (b) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư Số 255/2022-HĐCVDADT/NHCTKCNHD15 ngày 03/08/2022 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thực hiện Dự án đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo lò SK5";
 - + Thời hạn cho vay: 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
 - + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2024 là 11.070.000.000 VND; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 3.400.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH

Lô 20 cụm Công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(*) Hình thức bảo đảm khoản vay: Các hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương có các tài sản bảo đảm như sau:

- Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất đã, đang và sẽ được hình thành trong tương lai được xây dựng, lắp đặt (Thuộc dự án nhà máy sản xuất vôi công nghiệp DLH – Giai đoạn 1) trên diện tích đất thuê rộng 16.497 m² thuộc thửa đất số: 240, tờ bản đồ địa chính số: 35, địa chỉ: phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 447756, số vào sổ cấp GCN: CT00183 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/08/2016;
- Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất vôi công nghiệp (Thuộc dự án nhà máy sản xuất vôi công nghiệp DLH – Giai đoạn 1) được lắp đặt trên diện tích đất thuê rộng 16.497 m² thuộc thửa đất số 240, tờ bản đồ địa chính số: 35, địa chỉ: phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 447756, số vào sổ cấp GCN: CT00183 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/08/2016;
- Quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn): Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; Quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; lợi ích, các khoản bồi hoàn; ...);
- Tài sản là nguyên vật liệu, vật tư phục vụ kinh doanh sản xuất vôi, và các máy móc thiết bị là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH;
- Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất hình thành trong tương lai đã, đang và sẽ được xây dựng thuộc dự án nhà máy sản xuất vôi công nghiệp DLH – giai đoạn 2 đã và sẽ được lắp đặt trên diện tích đất thuê rộng 16.497 m² thuộc thửa đất số 240, tờ bản đồ 35 tại phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 447756, số vào sổ cấp GCN CT00183 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/08/2016;
- Hệ thống máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư nhà máy sản xuất vôi công nghiệp DLH giai đoạn 2 theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐQT ngày 11/10/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vôi công nghiệp DLH được lắp đặt trên diện tích đất thuê rộng 16.497 m² thuộc thửa đất số 240, tờ bản đồ địa chính số 35, địa chỉ: phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 447756, số vào sổ cấp GCN: CT00183 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/08/2016;
- Toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án nhà máy sản xuất vôi công nghiệp DLH – Giai đoạn 2 (Dự án) theo nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐQT ngày 10/11/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH và Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 11/08/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án nhà máy vôi công nghiệp DLH của Công ty cổ phần vôi công nghiệp DLH (điều chỉnh lần thứ nhất); Nghị quyết số 0110/2020/NQ-HĐQT ngày 01/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH và Quyết định chủ trương đầu tư số 1802/QĐ-UBND ngày 24/05/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về Dự án nhà máy vôi công nghiệp DLH của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH (điều chỉnh lần thứ hai). Bao gồm nhưng không giới hạn quyền thụ hưởng số tiền bảo hiểm; quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này, các khoản bồi hoàn... phát sinh từ các Hợp đồng mua bán, góp vốn, hợp tác kinh doanh, cho thuê của Dự án; Hợp đồng thi công xây dựng, cung cấp dịch vụ, mua sắm trang thiết bị của Dự án và các Hợp đồng khác có liên quan đến Dự án...;
- Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị, cải tạo, nâng cấp dây chuyền số 2;
- Giá trị Quyền sử dụng đất diện tích 60 m², địa chỉ: thửa 31 lô 3, KĐT M ngã 5 - Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 881867, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CH 10576 do UBND quận Ngô Quyền cấp ngày 13/12/2010;
- Một số máy móc, phương tiện vận tải theo các Hợp đồng thế chấp năm 2016 và 2017;



Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH

Lô 20 cụm Công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án đầu tư mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị, cải tạo, nâng cấp dây chuyền số 2 (Dự án) theo nghị quyết số 0110/2020/NQ-HĐQT ngày 01/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH và Quyết định chủ trương đầu tư số 1802/QĐ-UBND ngày 24/05/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương về Dự án nhà máy Vôi công nghiệp DLH của Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH (điều chỉnh lần thứ hai). (Bao gồm nhưng không giới hạn quyền thụ hưởng số tiền bảo hiểm, quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền nợ, quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này, các khoản bồi hoàn,... phát sinh từ các Hợp đồng mua bán, góp vốn, hợp tác kinh doanh, cho thuê của Dự án; Hợp đồng thu công xây dựng, cung cấp dịch vụ, mua sắm trang thiết bị của Dự án và các Hợp đồng khác có liên quan đến Dự án)...

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	190.198.488	190.198.488	1.003.941.500	1.003.941.500
- Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	45.586.488	45.586.488	-	-
- Công ty TNHH Vận tải DLH	144.612.000	144.612.000	125.121.800	125.121.800
- Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	-	-	619.619.700	619.619.700
- Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings	-	-	259.200.000	259.200.000
Bên khác	3.277.571.892	3.277.571.892	1.782.494.446	1.782.494.446
- Công ty TNHH Khoáng sản Trang Huy	-	-	1.101.795.435	1.101.795.435
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Anh Linh	1.744.447.840	1.744.447.840	-	-
- Đối tượng khác	1.533.124.052	1.533.124.052	680.699.011	680.699.011
	3.467.770.380	3.467.770.380	2.786.435.946	2.786.435.946

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác	101.087.480	392.458.108
- Công ty Cổ phần NVM	-	392.458.108
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Quốc tế TVC Việt Nam	101.087.480	-
	101.087.480	392.458.108

Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH

Lô 20 cụm Công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	670.812.999	4.994.293.365	5.665.106.364	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.515.543	217.291.487	217.291.487	-	6.515.543
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	769.759.726	3.340.227.183	769.759.726	-	3.340.227.183
- Thuế thu nhập cá nhân	32.512.234	-	60.119.050	128.489.296	100.882.480	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	72.140.915	159.796.327	229.511.028	-	2.426.214
- Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	32.512.234	1.519.229.183	8.775.727.412	7.014.157.901	100.882.480	3.349.168.940

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	124.990.150	196.182.077
- Chi phí phải trả khác	145.418.077	229.026.700
	270.408.227	425.208.777

17. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	102.859.800	104.117.500
- Bảo hiểm xã hội	1.287.750	-
- Bảo hiểm y tế	227.250	570.600
- Bảo hiểm thất nghiệp	101.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.419.355	69.763.940
	177.895.155	174.452.040

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	143.750.000.000	1.250.625.000	4.444.955.311	149.445.580.311
Lãi trong năm trước	-	-	3.695.730.035	3.695.730.035
Số dư cuối năm trước	143.750.000.000	1.250.625.000	8.140.685.346	153.141.310.346
Số dư đầu năm nay	143.750.000.000	1.250.625.000	8.140.685.346	153.141.310.346
Lãi trong năm nay	-	-	15.464.255.567	15.464.255.567
Số dư cuối năm nay	143.750.000.000	1.250.625.000	23.604.940.913	168.605.565.913

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Đặng Đức Minh	47.942.000.000	33,35	47.562.000.000	33,09
Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings	51.000.000.000	35,48	51.000.000.000	35,48
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Global	28.750.000.000	20,00	28.750.000.000	20,00
Cổ đông khác	16.058.000.000	11,17	16.438.000.000	11,43
	143.750.000.000	100,0	143.750.000.000	100,0

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	143.750.000.000	143.750.000.000
- Vốn góp cuối năm	143.750.000.000	143.750.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.375.000	14.375.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.375.000	14.375.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.375.000	14.375.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.375.000	14.375.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.375.000	14.375.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động số 02/2024/HĐTK/VCN-DLH ngày 01/03/2024. Thời gian thuê là 12 tháng với tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm VAT là 24.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền cho thuê đến ngày hết hạn hợp đồng.

b) Tài sản thuê ngoài

Tên tài sản	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê	Ghi chú
Thửa đất số 37, 72, 106, 46, tờ Bản đồ địa chính số 35, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	16.512 m2	Đến ngày 27/04/2059	Để xây dựng Nhà máy Vôi công nghiệp DLH	Đơn giá tính tiền thuê đất là 7.560 VND/m2/năm
Lô số CN4, CN6, CCN Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	21.445 m2	Đến ngày 27/04/2059	Làm cơ sở sản xuất vôi công nghiệp theo Dự án đầu tư được chấp thuận	Đơn giá tính tiền thuê đất là 12.600 VND/m2/năm, công ty được miễn tiền thuê đất từ tháng 02/2024 đến tháng 09/2030 theo Quyết định số 2158/QĐ-CTHĐU của Cục thuế tỉnh Hải Dương
Khu đất thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Nghị tại Khu 7, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	4.619 m2	05 năm từ ngày 01/10/2024	Làm bãi chứa nguyên vật liệu	Đơn giá thuê đất là 8.000.000 VND/tháng

Tên tài sản	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê	Ghi chú
Toàn bộ tài sản thuộc Dự án Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh vôi theo Quyết định Chủ trương đầu tư số 201/QĐ-UBND ký ngày 13/01/2017 tại Khu vực chân núi I, phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	3.306 m2	Từ ngày 11/03/2024 đến ngày 02/10/2038	Làm cơ sở sản xuất vôi công nghiệp	Giá thuê hàng tháng = sản lượng hàng tháng x đơn giá cho thuê/ tấn sản phẩm Đơn giá cho thuê chưa bao gồm VAT từ 10.000 VND đến 20.000 VND/ tấn

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	970,52	19.101,99

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng	337.452.828.764	303.367.091.544
Doanh thu khác	24.000.000	20.000.000
	337.476.828.764	303.387.091.544
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	1.246.545.500	906.943.000

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	298.204.453.353	270.698.794.580
	298.204.453.353	270.698.794.580
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	4.242.265.500	7.290.745.000

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.439.109	4.084.814
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.764.992	13.796.207
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	94.084.747	63.187.047
	121.288.848	81.068.068

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.084.156.904	13.494.299.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.634.228	15.487.974
	9.102.791.132	13.509.787.476

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	612.717.148	423.528.483
Chi phí nhân công	836.810.493	755.864.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.083.624.736	2.985.018.873
Chi phí khác bằng tiền	27.169.500	46.348.851
	2.560.321.877	4.210.760.259
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	458.223.705	1.987.752.057

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.148.876	213.493.973
Chi phí nhân công	2.791.497.820	4.000.186.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	332.943.468	334.564.436
Chi phí dự phòng	1.641.443.742	1.500.085.828
Thuế, phí và lệ phí	207.650.759	113.693.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.708.785.822	2.049.088.290
Chi phí khác bằng tiền	948.808.182	2.015.079.627
	8.853.278.669	10.226.192.760
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	1.420.500.000	1.765.500.000

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền phạt thu được	-	45.450.000
Thu nhập khác	6.858.924	2.053.363
	6.858.924	47.503.363

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	30.414.953	44.673.424
Chi phí khác	49.233.802	-
	79.648.755	44.673.424

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.804.482.750	4.825.454.476
Các khoản điều chỉnh tăng	79.648.755	823.167.730
- Chi phí không hợp lệ	79.648.755	44.673.424
- Chi phí lãi vay không được trừ	-	778.494.306
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.182.995.589)	-
- Chi phí lãi vay năm trước chuyển sang	(2.088.910.842)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ và các khoản phải thu	(94.084.747)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	16.701.135.916	5.648.622.206
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.340.227.183	1.129.724.441
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	769.759.726	(359.964.715)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(769.759.726)	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.340.227.183	769.759.726

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.464.255.567	3.695.730.035
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.464.255.567	3.695.730.035
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.375.000	14.375.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.076	257

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	224.407.020.755	202.357.674.128
Chi phí nhân công	29.834.217.100	26.420.538.949
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.790.756.730	24.059.562.049
Chi phí dự phòng	1.641.443.742	1.500.085.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.501.704.663	13.699.412.556
Chi phí khác bằng tiền	10.269.988.543	9.885.709.157
	308.445.131.533	277.922.982.667

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2024	VND	VND	VND	VND
Tiền	839.074.816	-	-	839.074.816
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.264.400.360	-	-	57.264.400.360
	58.103.475.176	-	-	58.103.475.176

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 01/01/2024	VND	VND	VND	VND
Tiền	10.342.990.917	-	-	10.342.990.917
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.998.538.184	-	-	33.998.538.184
	44.341.529.101	-	-	44.341.529.101

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2024	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	105.567.994.504	7.670.000.000	-	113.237.994.504
Phải trả người bán, phải trả khác	3.645.665.535	-	-	3.645.665.535
Chi phí phải trả	270.408.227	-	-	270.408.227
	109.484.068.266	7.670.000.000	-	117.154.068.266

Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	101.541.691.932	35.070.000.000	-	136.611.691.932
Phải trả người bán, phải trả khác	2.960.887.986	-	-	2.960.887.986
Chi phí phải trả	425.208.777	-	-	425.208.777
	104.927.788.695	35.070.000.000	-	139.997.788.695

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	154.020.185.821	189.981.923.974
b) Số tiền đã thực chi trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(177.393.883.249)	(174.475.383.731)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(12.728.846.089)	(7.725.642.639)

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 07/01/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành công văn số 95/UBCK-GSDC về việc xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH. Ngày 15/01/2025, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH ban hành Nghị quyết số 01/QĐ-HĐQT thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom).

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH;
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 14.375.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 143.750.000.000 VND;
- Thời gian chốt danh sách cổ đông: 17/01/2025;
- Mã cổ phiếu: DKG;
- Thời gian dự kiến thực hiện: Quý 1/2025.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Ông Đặng Đức Minh
 Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings
 Công ty Cổ phần Đầu tư TND Global
 Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt
 Công ty TNHH Vận tải DLH
 Công ty TNHH Vận tải thủy DLH
 Công ty Cổ phần Chế biến Khoán sản Sơn Thịnh
 Công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa

 Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Trường Phúc
 Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Trường Lộc
 Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế An Phú Sơn
 Công ty TNHH MTV Vôi Việt Nam
 Công ty Cổ phần Đầu tư TND Holding
 Công ty TNHH Vôi công nghiệp Long Sơn
 Công ty TNHH Vôi DLH Nghi Sơn
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phúc Trường Thịnh
 Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT, cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
 Cổ đông lớn, có cùng thành viên Hội đồng quản trị
 Cổ đông lớn, có cùng thành viên Hội đồng quản trị
 Có cùng thành viên Hội đồng quản trị
 Có cùng thành viên Hội đồng thành viên
 Có cùng thành viên Hội đồng thành viên
 Có cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
 Có cùng chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên góp vốn
 Có cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
 Có cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
 Có cùng cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
 Có thành viên HĐQT là Chủ tịch Công ty
 Có thành viên HĐQT là Tổng Giám đốc
 Có thành viên HĐQT là Giám đốc
 Có cùng thành viên Hội đồng quản trị
 Công ty do vợ ông Đặng Đức Minh làm Chủ tịch HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.246.545.500	906.943.000
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	1.246.545.500	906.943.000
Mua hàng	4.242.265.500	7.290.745.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An	963.945.000	945.182.000
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	3.278.320.500	6.345.563.000
Chi phí vận chuyển hàng mua	17.213.717.890	19.235.728.210
Công ty TNHH Vận tải DLH	2.229.000.000	3.876.350.000
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	14.984.717.890	15.359.378.210
Chi phí vận chuyển hàng bán	458.223.705	1.987.752.057
Công ty TNHH Vận tải DLH	458.223.705	1.987.752.057
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.420.500.000	1.765.500.000
Công ty TNHH Vận tải DLH	1.420.500.000	1.525.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings	-	240.000.000
Tạm ứng và hoàn tạm ứng	3.000.000.000	-
Ông Bùi Văn Tuấn	3.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao và các khoản phụ cấp khác trong năm 2023 và năm 2024.

	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
- Lê Quý Sơn	Tổng Giám đốc	341.934.076	258.314.510
- Bùi Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	261.984.001	193.516.917
		603.918.077	451.831.427

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Luyện

Quyền Kế toán trưởng

Quách Minh Thành

Hải Dương, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lê Quý Sơn

